

BẢNG ĐIỂM THI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KHÓA THI NGÀY 14/03/2025

STT	Mã SV	Mã lớp	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi Chú
							LT	TH	
1	22211OT3076	CD22OT5	Nguyễn Văn	Ân	26/05/2004	Bình Định	6,5	6,0	Đạt
2	21211OT4764	CD21OT19	Trần Đức	Anh	20/02/2003	Bình Dương	7,5	8,0	Đạt
3	23211DH4578	CD23DH8	Nguyễn Thị Lan	Anh	21/10/2005	TP. HCM	9,5	10,0	Đạt
4	22211TC3976	CD22TC1	Nguyễn Trịnh Hoàng	Anh	26/11/2004	TP. HCM	8,5	9,0	Đạt
5	24211DH0355	CD24DH2	Trần Thị Lan	Anh	10/02/2006	TP. HCM	8,0	6,5	Đạt
6	20211OT1505	CD20OT3	Trần Tĩnh Việt	Anh	30/08/2002	Đồng Nai	6,5	6,0	Đạt
7	22211DH1962	CD22DH2	Đặng Văn	Bảo	09/09/2004	TP. HCM	7,5	7,0	Đạt
8	22211TA4830	CD22TA4	Lê Hồng Gia	Bảo	02/10/2004	Bình Dương	7,5	5,0	Đạt
9	23211NH2647	CD23NH1	Kiều Kim	Chi	12/07/2005	Ninh Thuận	5,5	5,0	Đạt
10	22211OT3471	CD22OT18	Đỗ Thành	Danh	09/04/2003	An Giang	4,5	6,0	Rớt
11	22211OT2390	CD22OT9	Nguyễn Văn	Đồng	27/02/2004	Ninh Thuận	7,0	6,0	Đạt
12	24211DL2119	CD24DL2	Huỳnh Văn	Dũng	01/05/2004	Bình Định	6,0	5,5	Đạt
13	22211DH2209	CD22DH2	Nguyễn Ngọc	Hân	07/05/2002	Bạc Liêu	7,5	7,5	Đạt
14	22211NH4739	CD22NH2	Nguyễn Thanh	Hằng	13/07/2004	TP. HCM	8,0	6,5	Đạt
15	24211DH1717	CD24DH2	Chế Thị Như	Hằng	19/08/2005	Bình Định	7,5	6,0	Đạt
16	24211DH1718	CD24DH2	Võ Trần Thúy	Hạnh	11/08/2006	Bình Định	7,5	7,0	Đạt
17	23211TA2008	CD23TA1	Lê Minh	Hiếu	03/03/2004	Đồng Nai	7,0	5,0	Đạt
18	22512KT0022	CT22KT1	Nguyễn Thị	Hoài	24/04/2007	Trà Vinh	8,5	6,0	Đạt
19	22211DC0565	CD22DC2	Huỳnh Phi	Hoàng	21/02/2004	Đồng Nai	4,5	6,0	Rớt

STT	Mã SV	Mã lớp	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi Chú
							LT	TH	
20	23211KD4249	CD23KD1	Thành Thị Xuân	Huệ	02/05/2005	Ninh Thuận	9,0	7,5	Đạt
21	23211OT0250	CD23OT1	Phạm Quốc Phi	Hùng	13/10/2003	BR-VT	8,5	10,0	Đạt
22	23211OT0246	CD23OT1	Nguyễn Hoàng	Hùng	23/10/2003	TP. HCM	8,5	9,5	Đạt
23	20211DK1821	CD20DK2	Nguyễn Tiến	Hung	03/07/2002	Đồng Nai	7,5	9,0	Đạt
24	22211OT2829	CD22OT19	Võ Duy	Hung	13/08/2004	Quảng Ngãi	7,0	5,0	Đạt
25	22211DH4515	CD22DH5	Phạm Hoàng	Huy	11/12/2001	Gia Lai	6,5	6,5	Đạt
26	24211DH2108	CD24DH2	Nguyễn Ngọc Như	Huỳnh	03/01/2005	TP. HCM	5,5	5,5	Đạt
27	23211DH4037	CD23DH7	Lê Văn	Khá	27/01/2005	Ninh Thuận	6,5	5,0	Đạt
28	21211CK2319	CD21CK3	Trần Ngọc	Khải	11/06/2003	Quảng Ngãi	6,0	5,0	Đạt
29	22211OT2895	CD22OT11	Trần Phúc	Khải	24/09/2004	Đồng Nai	0,0	0,0	Rớt
30	24211DH2141	CD24DH2	Đặng Duy	Khánh	17/06/2005	Bình Định	7,0	8,5	Đạt
31	22211OT3303	CD22OT19	Nguyễn Phạm Đăng	Khoa	15/08/2004	TP. HCM	7,0	7,5	Đạt
32	21211OT3219	CD21OT15	Phạm Vũ	Khương	11/10/2003	Cà Mau	7,5	6,5	Đạt
33	24211DH0581	CD24DH2	Trương Thị Thúy	Kiều	21/02/2006	Tây Ninh	8,5	6,5	Đạt
34	23211KD1662	CD23KD1	Đỗ Thị Vân	Linh	10/12/2005	Bình Định	7,0	7,5	Đạt
35	22211NH3489	CD22NH2	Huỳnh Nguyễn Bích	Loan	30/06/2002	Quảng Ngãi	8,0	7,5	Đạt
36	20211OT2940	CD20OT6	Nguyễn Hữu	Lợi	22/05/2001	Ninh Thuận	8,0	5,0	Đạt
37	22211OT3816	CD22OT19	Tạ Quang	Minh	26/02/2004	Đắk Lắk	7,5	6,5	Đạt
38	21211OT3211	CD21OT7	Nguyễn Duy	Minh	27/03/2001	Đắk Lắk	8,0	6,0	Đạt
39	23211DH2630	CD23DH3	Châu Nữ Hoàng Kim	Ngọc	11/10/2005	Ninh Thuận	9,0	8,0	Đạt
40	22211DH0147	CD22DH2	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	04/11/2003	Trà Vinh	9,5	9,0	Đạt
41	24211DH0958	CD24DH2	Lê Thị Kim	Ngọc	12/11/2006	Sóc Trăng	7,5	7,0	Đạt
42	22211DH2630	CD22DH2	Trần Thị Thảo	Nguyên	23/12/2004	Đắk Lắk	8,0	9,0	Đạt
43	24211DH2102	CD24DH2	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi	23/08/2004	TP. HCM	8,5	7,0	Đạt
44	21211TN4956	CD21TN2	Ngô Thảo	Nhi	24/10/2003	Đồng Nai	7,0	5,5	Đạt
45	20211KT2874	CD20KT4	Nguyễn Ngọc	Nhung	26/06/2002	Bình Dương	7,0	7,0	Đạt

STT	Mã SV	Mã lớp	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi Chú
							LT	TH	
46	22211NH0433	CD22NH1	Nguyễn Chánh	Phúc	13/07/2003	TP. HCM	8,5	7,0	Đạt
47	22211OT0111	CD22OT1	Nguyễn Hồng	Phúc	25/11/2000	Kiên Giang	6,5	6,5	Đạt
48	22211OT1414	CD22OT5	Lê Chí	Quân	20/02/2004	Bình Thuận	7,0	6,0	Đạt
49	23222KT0011	CDLT23KT1	Đặng Tấn	Sắt	24/12/1992	Bình Định	7,5	5,0	Đạt
50	22211DD2996	CD22DD2	Nguyễn Hồng	Son	08/01/2004	Bình Dương	7,5	9,0	Đạt
51	21211OT0804	CD21OT4	Cù Văn	Sỹ	29/11/2003	Kon Tum	3,5	6,0	Rớt
52	21211LG0089	CD21LG1	Đỗ Khánh	Tâm	27/04/2000	Khánh Hòa	9,0	9,5	Đạt
53	23211LG3796	CD23LG4	Hán Hoàn	Thành	22/09/2004	Ninh Thuận	9,5	9,0	Đạt
54	23211OT3165	CD23OT22	Lê Duy	Thịnh	09/11/2005	Bình Định	7,5	6,0	Đạt
55	23211DH1190	CD23DH2	Đinh Thị Hoa	Thơm	14/03/2005	Bình Thuận	7,0	8,5	Đạt
56	22211OT2887	CD22OT18	Trần Tuấn	Anh	11/07/2004	Đồng Nai	5,0	6,5	Đạt
57	22211LG2575	CD22LG2	Huỳnh Gia	Bảo	23/10/2004	Bình Dương	5,5	5,5	Đạt
58	22211OT1879	CD22OT7	Hồ Văn	Bình	10/01/2004	Đắk Lắk	6,5	6,0	Đạt
59	22211NH1205	CD22NH1	Võ Nguyễn Minh	Châu	23/07/2004	TP. HCM	5,5	5,5	Đạt
60	23211OT0870	CD23OT20	Lê Văn	Dương	19/01/2005	Đắk Nông	6,5	6,5	Đạt
61	22211OT1175	CD22OT6	Lê Đào Quang	Duy	27/01/2004	Bình Định	8,0	7,0	Đạt
62	23211OT2779	CD23OT20	Nguyễn Hoàng	Hà	28/05/2005	Đồng Nai	8,0	5,5	Đạt
63	23211MK4465	CD23MK4	Nguyễn Trung	Hiếu	14/03/2005	Quảng Trị	8,5	8,0	Đạt
64	23211OT2343	CD23OT9	Lê Ngọc	Hiếu	12/10/2002	Ninh Thuận	7,0	5,5	Đạt
65	21211DT3877	CD21DT1	Nguyễn Hoàng Trung	Hiếu	27/02/2003	TP. HCM	6,5	5,5	Đạt
66	22211OT3307	CD22OT14	Bùi Xuân	Hoàng	13/03/2004	Đồng Nai	6,0	6,5	Đạt
67	22211OT2543	CD22OT16	Hoàng Nguyễn Phi	Hùng	30/10/2004	TP. HCM	4,5	1,0	Rớt
68	22211OT1145	CD22OT3	Võ Văn	Hung	29/12/2004	Bình Định	4,5	1,0	Rớt
69	23211DH3134	CD23DH4	Danh Thị Diễm	Hương	22/01/2004	Cần Thơ	5,5	6,0	Đạt
70	22211OT1184	CD22OT4	Lê Ngọc	Huy	20/10/2004	Ninh Thuận	6,5	5,0	Đạt
71	23211OT2045	CD23OT12	Trịnh Phan Đan	Huy	19/08/2005	Đồng Tháp	7,5	6,5	Đạt
72	22211DH3069	CD22DH4	Đặng Trần Bảo	Huy	31/08/2003	Lâm Đồng	7,0	5,5	Đạt
73	23211MK0804	CD23MK3	Huỳnh Thị Xuân	Huỳnh	01/10/2005	TP. HCM	7,0	7,0	Đạt

STT	Mã SV	Mã lớp	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi Chú
							LT	TH	
74	22211OT0679	CD22OT1	Trần Lê	Huỳnh	25/04/2004	Cà Mau	6,5	6,5	Đạt
75	22211OT3438	CD22OT14	Nguyễn Xuân	Khang	30/03/2004	Bình Định	7,0	6,5	Đạt
76	22211LG3205	CD22LG3	Đặng Duy	Khang	18/11/2004	Bạc Liêu	6,5	6,5	Đạt
77	22211OT0592	CD22OT1	Võ Tấn	Khoa	18/08/2004	Đắk Nông	5,5	5,5	Đạt
78	22211DH1828	CD22DH1	Nguyễn Đăng	Khoa	03/03/2004	Tây Ninh	4,5	5,5	Rớt
79	22211NH2171	CD22NH1	Đồng Thị	Lan	07/11/2003	Hải Dương	5,5	5,0	Đạt
80	22211LG0300	CD22LG4	Nguyễn Thị	Lệ	07/06/2003	Quảng Ngãi	8,5	8,0	Đạt
81	23211OT3099	CD23OT13	Hoàng Thành	Long	10/02/2005	Bình Phước	7,5	6,5	Đạt
82	23512KT0028	CT23KT1	Nguyễn Quang	Minh	23/06/2005	Đồng Nai	4,5	5,0	Rớt
83	22211OT3964	CD22OT18	Ksor	Moih	16/06/2004	Gia Lai	5,0	6,0	Đạt
84	22211DC3865	CD22DC3	Trần Phương	Nam	04/08/2004	Hà Tĩnh	5,0	6,5	Đạt
85	23211OT3100	CD23OT14	Nông Văn	Nam	15/01/2005	Bình Phước	7,5	5,0	Đạt
86	23211NH3887	CD23NH2	La Thị Thúy	Ngân	05/12/2005	Bình Định	8,5	6,0	Đạt
87	23211DH1011	CD23DH4	Nguyễn Hoàng Minh	Nghĩa	11/11/2005	Đồng Nai	5,5	7,0	Đạt
88	22211OT3373	CD22OT14	Vy Thanh	Nguyên	14/09/2004	Đắk Nông	8,0	6,5	Đạt
89	23211OT2266	CD23OT14	Huỳnh Thanh	Nhã	01/12/2005	Đồng Tháp	8,5	9,0	Đạt
90	22211DD4337	CD22DD3	Đỗ Trọng	Nhân	18/03/1994	Long An	6,5	6,5	Đạt
91	23211OT2337	CD23OT9	Nguyễn Văn	Nhật	12/07/2005	Cà Mau	4,5	5,5	Rớt
92	22211OT1061	CD22OT3	Nguyễn Văn	Pháp	16/03/2004	Bình Định	6,0	6,0	Đạt
93	22211OT0634	CD22OT1	Trương Tam	Phong	10/05/2004	Lâm Đồng	7,5	5,0	Đạt
94	22211CK3025	CD22CK3	Lê Xuân	Phong	12/07/2003	Lâm Đồng	8,5	6,5	Đạt
95	23211TA0686	CD23TA1	Lê Hoàng	Phúc	01/11/2005	TP. HCM	6,5	5,0	Đạt
96	22211OT1753	CD22OT6	Ngô Minh	Phúc	15/11/2002	TP. HCM	6,5	5,5	Đạt
97	23211OT0340	CD23OT12	Nguyễn Phạm	Quốc	21/10/2004	Bình Dương	6,0	5,0	Đạt
98	23211OT3927	CD23OT20	Phạm Nhựt	Tân	06/11/2005	TP. HCM	6,5	5,5	Đạt
99	21211OT1471	CD21OT2	Nguyễn Công	Thắng	26/09/2003	Bình Phước	0,0	0,0	Rớt
100	23211MK1974	CD23MK4	Nguyễn Thị Thu	Thiên	23/02/2005	Ninh Thuận	8,5	6,0	Đạt
101	22211OT0890	CD22OT2	Nguyễn Thành	Thiên	22/12/2004	Bình Thuận	5,5	6,5	Đạt

STT	Mã SV	Mã lớp	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi Chú
							LT	TH	
102	23211DH4612	CD23DH8	Nguyễn Hùng	Thịnh	16/11/2005	An Giang	6,0	6,0	Đạt
103	23211MK4015	CD23MK4	Trịnh Huỳnh Minh	Thư	11/11/2005	Quảng Ngãi	8,5	6,5	Đạt
104	22211NH0546	CD22NH1	Nguyễn Minh	Thuận	16/10/2003	Bình Dương	4,5	0,0	Rớt
105	23211MK4150	CD23MK4	Lê Minh	Thuận	30/10/2004	Bình Định	5,5	6,5	Đạt
106	22211OT0832	CD22OT13	Ngô Gia	Thuận	21/09/2004	Đồng Nai	5,5	5,0	Đạt
107	22512KT0038	CT22KT1	Đào Duy	Thức	13/11/1994	Bình Thuận	7,5	8,5	Đạt
108	23211MK3875	CD23MK4	Trần Hiệp	Thương	23/01/2005	Kiên Giang	8,5	7,5	Đạt
109	23211MK4595	CD23MK4	Lê	Tiến	22/08/2005	Bình Thuận	8,0	8,5	Đạt
110	22211DC4920	CD22DC3	Nguyễn Đức	Tiến	11/09/2004	Bình Phước	7,5	5,5	Đạt
111	22211OT0949	CD22OT19	Đỗ Xuân	An	06/07/2004	Đồng Nai	8,0	7,0	Đạt
112	21211OT2333	CD21OT4	Nguyễn Trần	An	24/02/2002	Đắk Lắk	7,5	6,0	Đạt
113	23211DC0907	CD23DC1	Phan Thanh	Hàn	24/03/2005	Bình Định	8,0	6,0	Đạt
114	23211DH2093	CD23DH3	Huỳnh Tuấn	Kiệt	22/06/2005	Bình Định	9,0	9,5	Đạt
115	22211OT1486	CD22OT5	Nguyễn Anh	Nhật	08/07/2004	Bình Định	8,5	8,0	Đạt
116	23211OT2135	CD23OT14	Ngô Hoàng Anh	Phát	29/03/2005	Bình Định	8,0	8,0	Đạt
117	22211DC1309	CD22DC1	Nguyễn Văn	Phong	01/06/2004	Lâm Đồng	5,0	6,5	Đạt
118	21211QT0594	CD21QT5	Lữ Hoàng Minh	Quang	26/10/2000	Đắk Lắk	6,5	7,0	Đạt
119	24211LG1742	CD24LG2	Nguyễn Văn	Sung	28/08/2004	BR-VT	5,5	10,0	Đạt
120	22211OT1069	CD22OT13	Đoàn Bảo	Tâm	13/08/2004	Lâm Đồng	5,0	7,0	Đạt
121	24211DH0873	CD24DH2	Lê Thị Minh	Thư	24/11/2006	Bình Thuận	7,5	7,5	Đạt
122	22211DH3189	CD22DH3	Lê	Thuần	23/11/2004	Tây Ninh	7,5	9,0	Đạt
123	22211DH4199	CD22DH3	Trương Quốc	Thuận	15/10/1999	TP. HCM	7,0	6,5	Đạt
124	24211OT0093	CD24OT1	Trần Đỗ Thanh	Toàn	28/07/2005	TP. HCM	8,5	10,0	Đạt
125	24211KS3530	CD24KS1	Lê Huyền	Trân	05/11/2006	Đồng Tháp	5,0	7,0	Đạt
126	22211NH1799	CD22NH1	Nguyễn Trịnh Quế	Trân	12/11/2004	TP. HCM	5,0	6,5	Đạt
127	21211DD1110	CD21DD2	Nguyễn Hà Đăng	Trình	18/12/2003	Trà Vinh	0,0	0,0	Rớt
128	22211OT0820	CD22OT15	Cao Văn	Trọng	08/08/2002	Lâm Đồng	7,0	6,5	Đạt
129	23211TA1470	CD23TA1	Lê Nguyễn Quốc	Trung	16/03/2005	Đồng Nai	7,5	6,5	Đạt
130	22211OT0564	CD22OT18	Vi Lăng	Trường	19/03/2004	Đồng Nai	6,5	5,0	Đạt

STT	Mã SV	Mã lớp	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi Chú
							LT	TH	
131	23211OT4089	CD23OT20	Nguyễn Hoàng	Tú	02/01/2005	BR-VT	5,5	6,5	Đạt
132	22211OT3383	CD22OT16	Nguyễn Quốc	Tuấn	08/03/2004	Bình Định	6,5	6,5	Đạt
133	22211DH0567	CD22DH2	Đinh Anh	Tuấn	13/08/2004	Đồng Nai	5,5	10,0	Đạt
134	22211OT3993	CD22OT18	Nguyễn Thái	Tuấn	10/09/2004	TP. HCM	7,5	6,0	Đạt
135	23211CK1408	CD23CK1	Nguyễn Thái	Tuấn	19/03/2005	Kiên Giang	8,0	7,5	Đạt
136	22211TN1647	CD22TN1	Nguyễn Ngọc	Tuyền	13/12/2004	TP. HCM	8,0	7,5	Đạt
137	22211OT4117	CD22OT20	Đinh Hồng	Uy	04/12/2004	Quảng Ngãi	4,0	2,5	Rớt
138	22211DH0366	CD22DH2	Nguyễn Vũ Hàn	Uyên	27/11/2003	Đắk Lắk	7,5	7,5	Đạt
139	24211TA3212	CD24TA1	Bùi Nguyễn Bảo	Uyên	05/03/2005	Đồng Nai	7,5	10,0	Đạt
140	23211TA2140	CD23TA2	Phạm Phương	Uyên	06/03/2005	Tiền Giang	8,5	6,5	Đạt
141	23211LG4403	CD23LG4	Võ Ngọc	Vấn	27/10/2004	Bình Định	8,5	9,5	Đạt
142	23211MK4837	CD23MK4	Bùi Thanh	Viên	19/08/2004	Đắk Lắk	6,0	6,5	Đạt
143	24211TA3236	CD24TA1	Võ Quốc	Vinh	07/01/2006	An Giang	5,0	7,5	Đạt
144	21211OT3935	CD21OT19	Trương Ngọc Trường	Vũ	01/03/2003	Đồng Nai	5,0	6,5	Đạt
145	22211LG4710	CD22LG3	Trương Hoàng	Vũ	09/07/2003	Đồng Nai	3,0	2,0	Rớt
146	22211OT1039	CD22OT3	Đỗ Nhật	Vương	18/04/2004	Quảng Ngãi	6,0	6,0	Đạt
147	20211LH3309	CD20LH2	Huỳnh Lệ	Vy	16/02/2002	Ninh Thuận	5,5	5,0	Đạt
148	23211OT3604	CD23OT20	Võ Chí	Vỹ	14/11/2005	Bình Định	5,0	5,5	Đạt
149	22211DD3041	CD22DD2	Trần Quốc	Vỹ	04/01/2004	Quảng Ngãi	6,0	6,5	Đạt
150	24211TQ1297	CD24TQ5	Bùi Phạm Hải	Yến	27/04/2006	TP. HCM	6,5	5,5	Đạt